

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN K42

Bộ môn: LUẬT TÀI CHÍNH – THUẾ - NGÂN HÀNG

Lưu ý:

- Các đề tài được liệt kê dưới đây mang tính gợi ý, sinh viên có thể đăng ký với Khoa đề tài khác do mình tự chọn, hoặc đưa ra cách tiếp cận khác (phải được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn khi nhận đề tài).
- Sinh viên có thể chọn một mảng nhỏ trong các đề tài nằm trong danh mục để thực hiện. Đối với các đề tài nghiên cứu về một mảng pháp luật nhất định, sinh viên được quyền lựa chọn nghiên cứu ở mảng thực tiễn áp dụng (Tên đề tài có thể là: Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật...).

A. PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH CÔNG

1. Pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản.
2. Quy định về sử dụng nguồn vốn ODA.
3. Quy định về chi sự nghiệp y tế.
4. Quy định về đấu thầu mua thuốc cho bệnh viện công.
5. Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.
6. Quy định về phân cấp quản lý ngân sách địa phương
7. Quy định pháp luật về giới hạn đầu tư vốn đối với doanh nghiệp có vốn thuộc sở hữu nhà nước.
8. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước công khai, minh bạch – Quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng.
9. Pháp luật về phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách trong hệ thống ngân sách nhà nước.
10. Pháp luật về phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách trong hệ thống ngân sách nhà nước.
11. Mối quan hệ pháp lý giữa dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch tài chính 05 năm
12. Quy định pháp luật về hoạt động quyết toán ngân sách nhà nước.
13. Pháp luật về quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước.
14. Pháp luật về tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công.
15. Pháp luật về hoạt động tài chính của các trường đại học công lập trong bối cảnh xã hội hóa giáo dục và tự chủ đại học.
16. Quy chế pháp lý về các khoản thu của trường đại học công lập tự chủ tài chính.

17. Quy chế pháp lý các khoản chi của các trường đại học công lập tự chủ tài chính.
18. Nghĩa vụ tài chính của các trường đại học công lập tự chủ tài chính.
19. Pháp luật về hoạt động tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.
20. Thẩm quyền giám sát của Quốc hội trong lĩnh vực đầu tư công của ngân sách nhà nước.
21. Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý các khoản thu phí vào ngân sách nhà nước.
22. Pháp luật điều chỉnh khoản thu về phí của ngân sách nhà nước.
23. Pháp luật điều chỉnh khoản thu về lệ phí của ngân sách nhà nước.
24. Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý các khoản thu lệ phí vào ngân sách nhà nước.
25. Quy định pháp luật về phương thức tạm cấp kinh phí ngân sách nhà nước.
26. Pháp luật về quản lý quỹ ngân sách nhà nước.
27. Quy định pháp luật về điều kiện chi ngân sách nhà nước và thực tiễn áp dụng.
28. Pháp luật về kiểm soát chi ngân sách nhà nước.
29. Pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công tại các cơ quan hành chính Nhà nước.
30. Chế độ pháp lý về dự phòng ngân sách nhà nước.
31. Pháp luật về Quỹ dự trữ tài chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.
32. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan Thanh tra tài chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.
33. Khía cạnh pháp lý của báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước trong hoạt động ngân sách nhà nước.
34. Chế độ pháp lý về trái phiếu Chính Phủ.
35. Chế độ pháp lý về trái phiếu chính quyền địa phương.
36. Chế độ pháp lý về trái phiếu xanh.
37. Chế độ pháp lý về nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).
38. Pháp luật về bội chi Ngân sách nhà nước.
39. Pháp luật về bội chi Ngân sách địa phương.
40. Pháp luật về giải quyết thâm hụt ngân sách nhà nước.
41. Pháp luật về cơ chế tài chính-ngân sách đặc thù của TP. Hồ Chí Minh.
42. Pháp luật ngân sách nhà nước trong việc phòng, chống tham nhũng.
43. Mối quan hệ pháp lý giữa dự toán NSNN và kế hoạch tài chính NSNN 3 năm.
44. Qui định pháp luật về quản lý hoạt động chi ủy quyền trong NSNN.
45. Qui định pháp luật về quản lý hoạt động chi bổ sung có mục tiêu trong NSNN.
46. Quy định pháp luật về các phương thức chi ngân sách nhà nước.

B. PHÁP LUẬT THUẾ:

47. Quyền của người nộp thuế.
48. Nghĩa vụ của người nộp thuế
49. Bảo vệ quyền của người nộp thuế.
50. Pháp luật về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế.
51. Chế độ pháp lý về thu thập và quản lý thông tin của cơ quan quản lý thuế.
52. Quyền thông tin của người nộp thuế.
53. Quyền và nghĩa vụ cung cấp thông tin của người nộp thuế.
54. Cơ sở hình thành qui định về đối tượng không chịu thuế GTGT.
55. Qui định pháp luật về hóa đơn, chứng từ
56. Quy định về hóa đơn điện tử và giải pháp pháp lý hoàn thiện.
57. Địa vị pháp lý của đại lý hải quan
58. Giải pháp lý chống gian lận trong hoàn thuế nhập khẩu.
59. Giải pháp lý chống gian lận trong miễn thuế nhập khẩu.
60. Pháp luật về giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.
61. Pháp luật về thuế chống bán phá giá hàng nhập khẩu.
62. Pháp luật về thuế chống trợ cấp.
63. Pháp luật về thuế tự vệ.
64. Nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất khẩu tại chỗ.
65. Nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp khu chế xuất.
66. Quy định về xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu.
67. Quy định pháp luật về thuế suất thuế xuất khẩu – nhập khẩu.
68. Quy định về căn cứ tính thuế xuất khẩu – nhập khẩu.
69. Quy định về giá tính thuế xuất khẩu – nhập khẩu.
70. Quy định về giá tính thuế TTĐB.
71. Qui định về những trường hợp không chịu thuế TTĐB.
72. Pháp luật về khấu trừ thuế, hoàn thuế TTĐB.
73. Giải pháp pháp lý chống gian lận trong việc áp dụng qui định về ưu đãi thuế TNDN.
74. Chế độ pháp lý về thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
75. Chế độ pháp lý về xác định doanh thu trong thuế TNDN.
76. Nghĩa vụ thuế phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức kinh tế.
77. Nghĩa vụ thuế phát sinh từ hoạt động mua bán - sáp nhập doanh nghiệp.
78. Nhận diện hành vi vi phạm pháp luật thuế phát sinh trong các nhóm công ty và giải pháp phòng ngừa.
79. Quản lý thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam của người nộp thuế.

80. Nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan.
81. Nghĩa vụ thuế TNCN của nhà đầu tư nước ngoài đối với giao dịch chuyển nhượng vốn.
82. Nghĩa vụ thuế của các quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài trong hoạt động đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.
83. Chế độ pháp lý về các khoản chi để tính thu nhập chịu thuế TNDN.
84. Thực tiễn áp dụng pháp luật về ưu đãi thuế TNDN.
85. Pháp luật về thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh.
86. Pháp luật về thuế TNCN đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng.
87. Thực tiễn áp dụng các qui định về giảm trừ gia cảnh trong thuế TNCN.
88. Nghĩa vụ thuế phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp của cá nhân.
89. Nguyên tắc công bằng trong phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân.
90. Nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân của cổ đông, thành viên công ty.
91. Nghĩa vụ thuế thu nhập của cá nhân không cư trú.
92. Pháp luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
93. Quản lý hoạt động thu nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
94. Thực trạng áp dụng pháp luật thuế tài nguyên.
95. Pháp luật thuế tài nguyên với vấn đề quản lý tài nguyên nhân tạo.
96. Quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết.
97. Thực tiễn áp dụng pháp luật thuế bảo vệ môi trường.
98. Thực tiễn áp dụng thuế bảo vệ môi trường đối với các hàng hóa có thành phần nhựa tổng hợp.
99. Các giải pháp pháp lý nhằm tăng tính hiệu quả trong hoạt động bảo vệ môi trường của thuế bảo vệ môi trường.
100. Nghĩa vụ thuế của các tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.
101. Nghĩa vụ thuế của các cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.
102. Quy định pháp luật về khấu trừ tại nguồn trong thuế TNCN
103. Nghĩa vụ kê khai và quyết toán thuế TNCN.
104. Nghĩa vụ thuế đối với hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ.
105. Nghĩa vụ thuế đối với hoạt động thương mại điện tử.
106. Nghĩa vụ thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.
107. Quản lý thuế đối với Youtuber tại Việt Nam.
108. Quản lý thuế đối với các giao dịch thực hiện thông qua mạng xã hội.

C. PHÁP LUẬT NGÂN HÀNG

109. Địa vị pháp lý của cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.
110. Pháp luật về điều hành lãi suất của NHNN.
111. Chế độ pháp lý về hoạt động tái cấp vốn của NHNN Việt Nam.

112. Kiểm soát ngoại tệ thông qua các giao dịch vốn.
113. Kiểm soát ngoại tệ thông qua các giao dịch vãng lai.
114. Pháp luật về cơ chế điều hành chính sách tiền tệ của NHNN Việt Nam.
115. Pháp luật về kinh doanh ngoại tệ
116. Các qui định hạn chế sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam.
117. Quy định pháp luật về hoạt động phát hành tiền của NHNN.
118. Pháp luật về điều hành thị trường mở của NHNN.
119. Chế độ pháp lý về hoạt động của Ngân hàng hợp tác xã.
120. Chế độ pháp lý về cơ cấu tổ chức của Quỹ tín dụng nhân dân.
121. Tổ chức và hoạt động của bộ phận pháp chế trong các NHTM.
122. Chế độ pháp lý về bộ phận kiểm soát tuân thủ trong NHTM.
123. Pháp luật về kiểm soát đặc biệt đối với TCTD.
124. Pháp luật về hoạt động của công ty mua bán nợ.
125. Pháp luật về xử lý tài sản thế chấp của các TCTD (là tài sản hình thành trong tương lai, quyền đòi nợ, tài sản chung của vợ, chồng...).
126. Pháp luật về thế chấp tài sản hình thành trong tương lai đối với các dự án nhà ở thương mại để bảo đảm khoản vay tại NHTM.
127. Pháp luật về thế chấp tài sản là hàng hóa luân chuyển để bảo đảm khoản vay tại ngân hàng thương mại.
128. Quy định pháp luật về điều kiện vay vốn tại NHTM.
129. Pháp luật về cung ứng và sử dụng séc.
130. Pháp luật về hợp đồng cho thuê tài chính.
131. Thực trạng giải quyết tranh chấp HĐTD tại tòa án.
132. Chế độ pháp lý về hoạt động phát hành giấy tờ có giá của ngân hàng thương mại.
133. Quy định pháp luật về phương thức thanh toán bằng thẻ tín dụng / thẻ thanh toán.
134. Quy định pháp luật về tài khoản thanh toán.
135. Quy định pháp luật về tài khoản tiền gửi của tổ chức.
136. Quyền và nghĩa vụ của người gửi tiền tiết kiệm
137. Quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ đi vay trong hợp đồng tín dụng.
138. Tranh chấp về lãi suất trong HĐTD.
139. Thực trạng áp dụng quy định pháp luật về hạn chế cấp tín dụng tại NHTM.
140. Thực trạng áp dụng quy định pháp luật về cấm cấp tín dụng tại NHTM.
141. Thực trạng áp dụng quy định pháp luật về giới hạn cấp tín dụng tại NHTM.
142. Pháp luật về quản lý rủi ro trong hoạt động cho vay của NHTM.
143. Pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối tại các TCTD.

144. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
145. Điều chỉnh bằng pháp luật đối với lợi ích nhóm trong hoạt động ngân hàng.
146. Pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng của các TCTD.
147. Chế độ pháp lý về bảo hiểm tiền gửi.
148. Quy định pháp luật về đình chỉ thực hiện hợp đồng tín dụng.
149. Quy định pháp luật về chấm dứt hợp đồng tín dụng.
150. So sánh pháp luật thanh tra, giám sát hệ thống ngân hàng tại Việt Nam với các nước khác (sinh viên có thể lựa chọn một số nước cụ thể).
151. Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền trong chế định kiểm soát đặc biệt các tổ chức tín dụng.
152. Pháp luật cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.
153. Thực tiễn và kinh nghiệm từ pháp luật cạnh tranh của các nước khác trong lĩnh vực ngân hàng
154. Pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập tài chính-tiền tệ khu vực và quốc tế.
155. Pháp luật về kiểm soát giao dịch ngoại tệ bằng tiền mặt.
156. Pháp luật về vay nước ngoài của doanh nghiệp không được chính phủ bảo lãnh.
157. Tác động của các Hiệp định AEC đến pháp luật ngân hàng Việt Nam.
158. Quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư trong lĩnh vực ngân hàng.
159. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng sử dụng dịch vụ ngân hàng.
160. Quy định về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.
161. Quy định về bảo đảm an toàn trong dịch vụ ngân hàng điện tử.

D. PHÁP LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

162. Pháp luật về hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ.
163. Pháp luật về kiểm soát khả năng thanh toán đối với doanh nghiệp bảo hiểm.
164. Pháp luật về chế độ tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm.
165. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
166. Quy định pháp luật về đồng bảo hiểm.
167. Mối quan hệ pháp lý giữa quyền lợi được bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.
168. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tai nạn con người.
169. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm sức khỏe.
170. Thời điểm phát sinh hiệu lực pháp lý của HĐBH và thời điểm phát sinh trách nhiệm BH của DNBH.
171. Pháp luật về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong hợp đồng bảo hiểm.

172. Chế độ pháp lý về bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới.
173. Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự... (Sinh viên có thể chọn bất kỳ loại hình bảo hiểm trách nhiệm dân sự nào để nghiên cứu).
174. Pháp luật về bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển.
175. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm. (Sinh viên có thể lựa chọn bất kỳ loại hình bảo hiểm: bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm tài sản hoặc bảo hiểm con người).
176. Thực trạng giải quyết tranh chấp về phí bảo hiểm tại tòa án.
177. Sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản. (Sinh viên có thể lựa chọn sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự hoặc bảo hiểm con người để nghiên cứu).
178. Chế độ pháp lý về đầu tư tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.
179. Chế độ pháp lý về đầu tư tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.
180. Phí bảo hiểm và các tranh chấp liên quan đến phí bảo hiểm.
181. Quyền lợi bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản và các tranh chấp có liên quan.
182. Pháp luật về chủ thể tham gia quan hệ bảo hiểm nhân thọ.
183. Giá trị pháp lý bản Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm.
184. Thủ tục kiện đòi bảo hiểm trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.
185. Pháp luật về chuyển yêu cầu bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản.
186. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm.
187. Thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm.
188. Quy định về miễn trừ trách nhiệm bồi thường trong bảo hiểm tài sản.
189. Nghĩa vụ đóng phí của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.
190. Địa vị pháp lý của Đại lý bảo hiểm.
191. Pháp luật về hợp đồng đại lý bảo hiểm.
192. Thủ tục kiện đòi bồi thường trong bảo hiểm tài sản.
193. Trục lợi bảo hiểm và các biện pháp pháp lý chống trục lợi bảo hiểm.
194. Quy định pháp luật về bảo hiểm tài sản - Những vướng mắc và hướng hoàn thiện.
195. Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
196. Pháp luật về bảo hiểm con người.
197. Pháp luật về chống trục lợi bảo hiểm.
198. Pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.
199. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm vô hiệu.
200. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và hậu quả pháp lý.
201. Pháp luật về hoạt động môi giới bảo hiểm.
202. Hợp đồng bảo hiểm tài sản trùng.
203. Quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới.

204. Bản chất pháp lý của bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản.
205. Quy định pháp luật về trách nhiệm trả tiền bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm.
206. Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
207. Hệ quả pháp lý của hợp đồng bảo hiểm trên giá trị.
208. Hệ quả pháp lý của hợp đồng bảo hiểm dưới giá trị.
209. Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm của bên bảo hành sản phẩm.
210. Khía cạnh pháp lý của sản phẩm liên kết ngân hàng- bảo hiểm.
211. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.
212. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.
213. Sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự và các tranh chấp có liên quan.
214. Sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm con người và các tranh chấp có liên quan.
215. Sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản và các tranh chấp có liên quan.
216. Nghĩa vụ cung cấp thông tin trong hợp đồng bảo hiểm.
217. Nghĩa vụ giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm.
218. Các chủ thể tham gia vào quan hệ bảo hiểm nhân thọ.
219. Quy định về miễn thường trong bảo hiểm tài sản.
220. Pháp luật về kiểm soát khả năng thanh toán của Doanh nghiệp bảo hiểm.
221. Quy định pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính.
222. Quy định pháp luật về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm.
223. Quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm.
224. Quy định pháp luật về Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.
225. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.
226. Pháp luật về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm.
227. Pháp luật về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm.

E. PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG KHOÁN

228. Địa vị pháp lý của công ty chứng khoán.
229. Pháp luật về hoạt động môi giới của công ty chứng khoán
230. Pháp luật về hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán.
231. Cơ chế pháp lý phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của công ty chứng khoán.
232. Cơ chế pháp lý phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của công ty quản lý quỹ.
233. Pháp luật về hoạt động đầu tư chứng khoán của công ty đầu tư chứng khoán.
234. Quy định pháp luật về điều kiện phát hành chứng khoán.

235. Quy định về hoạt động phát hành cổ phiếu ra công chúng.
236. Quy định pháp luật về phát hành trái phiếu của công ty cổ phần.
237. Quy định pháp luật về quỹ mở.
238. Quy định pháp luật về quỹ thành viên
239. Pháp luật về phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư của quỹ đại chúng.
240. Pháp luật về bảo lãnh phát hành chứng khoán.
241. Pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng.
242. Cơ chế pháp lý đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư chứng khoán.
243. Địa vị pháp lý của công ty quản lý quỹ.
244. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư chứng khoán.
245. Pháp luật về giao dịch nội bộ chứng khoán.
246. Địa vị pháp lý của Sở giao dịch chứng khoán.
247. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
248. Thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
249. Địa vị pháp lý của trung tâm lưu ký chứng khoán.
250. Pháp luật về điều kiện và thủ tục niêm yết cổ phiếu.
251. Pháp luật về điều kiện và thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư.
252. Pháp luật về kiểm soát giao dịch nội bộ trên thị trường chứng khoán.
253. Thực tiễn tuân thủ các quy định về nghĩa vụ của tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng
254. Thực tiễn giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động đầu tư chứng khoán.
255. Pháp luật về đăng ký và lưu ký chứng khoán
256. Pháp luật về hoạt động giao dịch ký quỹ chứng khoán.
257. Hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán.
258. Địa vị pháp lý của công ty đầu tư chứng khoán.
259. Đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán/ công ty quản lý quỹ.
260. Quy định pháp luật về tạm đình chỉ - đình chỉ công ty chứng khoán.
261. Quy định pháp luật về tạm đình chỉ - đình chỉ công ty quản lý quỹ.
262. Quy định pháp luật về hủy giao dịch chứng khoán niêm yết.
263. Pháp luật điều chỉnh về xử lý vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán.
264. Biện pháp pháp lý nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng tại CTCK.
265. Biện pháp pháp lý đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho khách hàng của công ty chứng khoán.
266. Qui định pháp luật về người hành nghề chứng khoán.

267. Qui định kiểm soát đặc biệt đối với công ty chứng khoán.
268. Pháp luật về chứng chỉ lưu ký / chứng quyền.
269. Qui định pháp luật hạn chế xung đột lợi ích trên TTCK / trong hoạt động kinh doanh của CTCK.
270. Qui định pháp luật điều chỉnh hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh trên TTCK tập trung.